TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:495/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Đoàn

Ông Nguyễn Viết Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 422/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: *Tranh chấp ly hôn*.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1997.

Trú tại: Tổ A, phường T, quận L, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

***** *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Minh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hà Nội ngày 24/3/2022. Sau khi anh T và chị T1 cưới nhau được gần 02 tháng thì vợ

chồng có những lời nói không tốt về nhau nên chị T1 đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ của mình tại Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cách sống, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau và không có tiếng nói chung với nhau. Nay anh T xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên anh T đề nghị Toà án sớm giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T1 trong thời gian sớm nhất để anh T sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh T và chị T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Anh T và chị T1 không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản và công nợ chung vợ chồng.

- Về án phí sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

* Bị đơn là chị Nguyễn Minh T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng nhưng chị T1 không đến Toà và cũng không gửi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, công nợ chung vợ chồng đối với chị T1.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chống đối, không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a

khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung. Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 13-10-2020, nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Mạnh T có yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Minh T1 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án này, Bị đơn là chị Nguyễn Minh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

[3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Minh T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay, chị T1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Minh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận L, thành phố Hà Nội ngày 24/3/2022. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Mặc dù, chị Nguyễn Minh T1 không đến Toà án trình bày ý kiến nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Tháng 4/2022, anh T và chị T1 đã phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng cách sống cũng như quan điểm sống nên anh T và chị T1 đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng và chị T1 đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay, anh T xác định không còn tình cảm gì với chị T1 nữa và xin ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh ý kiến bà Vũ Thị Thúy G là mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh T: Sau khi tổ chức đám cưới được hơn 01 tháng anh T, chị T1 có xẩy ra mâu thuẫn và chị T1 đã tự ý bỏ về gia đình mẹ đẻ của cháu tại Thôn C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của hai cháu là do cách sống, quan điểm sống của mỗi cháu không hợp nhau và không có tiếng nói chung với nhau. Bà cũng khuyên bảo anh T, chị T1 rất nhiều nhưng cũng không cải thiện được gì. Bà đề nghị nếu anh T, chị T1 không đoàn tụ được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

Như vậy, anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Minh T1 không còn chung sống, không còn thương yêu, tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nay, anh T xin ly hôn với chị Nguyễn Minh T1 là có căn cứ và phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên chấp nhận.

[4.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Minh T1 không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Mạnh T nên anh T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu,miễn,giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí,lệ phí Tòa án bán hành kem theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Mạnh T đối với chị Nguyễn Minh T1. Anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn với chị Nguyễn Minh T1.

[2]. Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073550 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Minh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. G;
- THADS H. G;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND phường T, quận L, Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đam